chính phủ	**cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : **160**/1999/NĐ-CP	**TH.310b**
	Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1999

nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở.

Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở ngày 25 tháng 12 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi thống nhất ý kiến với ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Nghị định :

Chương I
Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều về Tổ chức và hoạt động hoà giải được quy định tại Pháp lệnh của ủy ban Thường vụ Quốc hội số 09/1998/ PL-UBTVQH ngày 25 tháng 12 năm 1998 về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở.

2. Các quy định của Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động hoà giải trong tố tụng của Toà án nhân dân và của Trọng tài kinh tế.

Điều 2. Hoà giải ở cơ sở

1. Hoà giải ở cơ sở là việc hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp đạt được thoả thuận, tự nguyện giải quyết với nhau những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

2. “Các bên” nói tại Điều 1 Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở có thể là các thành viên trong một hộ gia đình, các hộ gia đình với nhau hoặc các cá nhân với nhau.

3. Thuật ngữ “cơ sở” theo quy định của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở và Nghị định này là thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác như các chợ cố định, tụ điểm du lịch, vui chơi giải trí.

Điều 3. Hình thức hoà giải

Hoà giải ở cơ sở được thực hiện thông qua hoạt động của Tổ hoà giải hoặc các tổ chức thích hợp khác của nhân dân ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân.

Điều 4. Phạm vi hoà giải

1. Hoà giải được tiến hành đối với việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư, bao gồm :

a) Mâu thuẫn, xích mích giữa các thành viên trong gia đình do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân trong quan hệ xóm giềng như sử dụng lối đi qua nhà, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung ...;

b) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp phát sinh từ các quan hệ về tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;

c) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ hôn nhân gia đình như : thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con; nhận nuôi con nuôi; ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng;

d) Tranh chấp phát sinh từ những việc vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật, những việc vi phạm đó chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính như trộm cắp vặt, đánh chửi nhau gây mất trật tự công cộng, đánh nhau gây thương tích nhẹ, va quệt xe cộ gây thương tích nhẹ.

2. Không hoà giải các vụ việc sau đây :

a) Các tội phạm hình sự.

Riêng đối với các hành vi vi phạm pháp luật hình sự mà người bị hại đã không yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện Kiểm sát hoặc Toà án không tiếp tục tiến hành việc tố tụng và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi như : cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác thì có thể hoà giải;

b) Hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý vi phạm hành chính bao gồm :

- Hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử lý vi phạm hành chính;

- Hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính như : giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục; đưa vào cơ sở chữa bệnh; quản chế hành chính.

c) Các vi phạm pháp luật và tranh chấp mà theo quy định của pháp luật không được hoà giải quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở bao gồm :

- Kết hôn trái pháp luật;
- Gây thiệt hại đến tài sản nhà nước;
- Tranh chấp phát sinh từ giao dịch trái pháp luật;
- Tranh chấp về lao động.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và ủy ban nhân dân các cấp về công tác hoà giải ở cơ sở

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm :

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động hoà giải trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động hoà giải trong phạm vi cả nước;

c) Tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn các Sở Tư pháp tổ chức bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hoà giải cho người làm công tác hoà giải;

d) Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải trong phạm vi cả nước.

2. ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác hoà giải theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Căn cứ tình hình cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện, hỗ trợ về kinh phí cho việc kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở địa phương.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp địa phương về công tác hoà giải ở cơ sở

Các cơ quan tư pháp địa phương giúp ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác hoà giải, cụ thể :

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm :

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác hoà giải trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;

b) Theo sự chỉ đạo của Bộ Tư pháp và ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hướng dẫn việc thực hiện quy định của cấp trên về tổ chức và hoạt động hoà giải trong phạm vi địa phương;

c) Tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn Phòng Tư pháp tổ chức bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hoà giải cho người làm công tác hoà giải;

d) Sơ kết, tổng kết và báo cáo ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp về công tác hoà giải của tổ hoà giải ở địa phương; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải ở địa phương.

2. Phòng Tư pháp có trách nhiệm :

a) Theo sự chỉ đạo của cơ quan tư pháp cấp trên và ủy ban nhân dân cấp huyện, hướng dẫn các Ban Tư pháp triển khai thực hiện các quy định về công tác hoà giải ở địa phương; đề xuất với ủy ban nhân dân cấp huyện biện pháp kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở địa phương;

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở địa phương theo hướng dẫn của cơ quan Tư pháp cấp trên;

c) Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương và báo cáo về công tác hoà giải với ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan tư pháp cấp trên; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương.

3. Ban Tư pháp có trách nhiệm :

a) Thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải, cung cấp tài liệu nghiệp vụ cho tổ hoà giải ở địa phương theo sự hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên;

b) Sơ kết, tổng kết công tác hoà giải của Tổ hoà giải ở địa phương, báo cáo công tác hoà giải với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan tư pháp cấp trên; tổ chức thi đua, khen thưởng công tác hoà giải ở địa phương

Chương II
tổ hoà giải và tổ viên Tổ hoà giải

Điều 7. Tổ hoà giải

1. Tổ hoà giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hoà giải.

2. Tổ hoà giải có Tổ trưởng và các tổ viên.

Mỗi Tổ hoà giải có từ 3 tổ viên trở lên. Căn cứ đặc điểm, tình hình cụ thể của cụm dân cư và kết quả cuộc họp thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, kết quả cuộc họp chủ hộ hoặc kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định số lượng tổ hoà giải ở địa phương.

Điều 8. Thủ tục bầu tổ viên, tổ trưởng tổ hoà giải

1. ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận lựa chọn, giới thiệu người để nhân dân bầu tổ viên tổ hoà giải. Công dân từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự và có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở đều có quyền đề cử, ứng cử vào danh sách bầu tổ viên tổ hoà giải.

2. Việc bầu tổ viên tổ hoà giải được tổ chức ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và cụm dân cư nơi Tổ hoà giải hoạt động và được tiến hành theo một trong các hình thức sau đây :

a) Họp nhân dân bàn, biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín;

b) Họp chủ hộ trong thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

Những người tham dự họp nhân dân hoặc đại diện cho chủ hộ trong cuộc họp chủ hộ phải là người từ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự.

Các cuộc họp nói trên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người trong diện họp tham dự.

c) Trong trường hợp không tổ chức họp được thì phát phiếu lấy ý kiến chủ hộ gia đình.

Người được bầu là tổ viên Tổ hoà giải phải được quá nửa số người tham gia bầu tán thành.

3. Tổ trưởng tổ hoà giải do các tổ viên tổ hoà giải bầu trong số tổ viên của tổ.

4. Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố tổ chức và chủ trì các cuộc họp nhân dân, họp chủ hộ để bầu tổ viên Tổ hoà giải hoặc tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến chủ hộ.

Biên bản bầu tổ viên tổ hoà giải trong các cuộc họp nhân dân, họp chủ hộ, biên bản kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ và biên bản bầu Tổ trưởng Tổ hoà giải được gửi đến Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét để công nhận thành phần Tổ hoà giải.

Điều 9. Miễn nhiệm tổ viên tổ hoà giải

1. Việc miễn nhiệm tổ viên Tổ hoà giải được thực hiện trong những trường hợp sau đây :

a) Có hành vi vi phạm pháp luật;

b) Có hành vi trái đạo đức xã hội;

c) Thiếu nhiệt tình trong hoạt động hoà giải;

d) Theo nguyện vọng cá nhân xin rút khỏi tổ hoà giải.

2. Căn cứ biên bản họp nhân dân, họp chủ hộ hoặc kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ về việc miễn nhiệm tổ viên Tổ hoà giải do Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố chủ trì, Ban Tư pháp đề nghị bằng văn bản để Chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

Điều 10. Tổ trưởng tổ hoà giải

1. Tổ trưởng Tổ hoà giải là người phụ trách Tổ hoà giải, đồng thời tham gia hoạt động hoà giải với tư cách là tổ viên Tổ hoà giải.

2. Tổ trưởng tổ hoà giải có các quyền hạn, nhiệm vụ sau đây :

a) Phân công, điều hoà, phối hợp hoạt động của tổ viên Tổ hoà giải; phối hợp với các tổ hoà giải trong việc nâng cao nghiệp vụ và trong hoạt động hoà giải tranh chấp liên quan đến địa bàn hoạt động của các Tổ hoà giải đó;

b) Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để rút kinh nghiệm về công tác hoà giải và đề xuất với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác hoà giải; cung cấp tài liệu và các thông tin nâng cao nghiệp vụ hoà giải;

c) Báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác hoà giải cho ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp;

d) Đại diện cho Tổ hoà giải trong quan hệ với Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, Tổ trưởng tổ dân phố, cụm dân cư và với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Điều 11. Tổ viên tổ hoà giải

Tổ viên Tổ hoà giải có các quyền hạn, nhiệm vụ sau đây :

1. Hoà giải các vụ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này;

2. Thông qua hoạt động hoà giải, tuyên truyền, vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật;

3. Đối với những tranh chấp không thuộc phạm vi hoà giải có thể ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương, thì tổ viên Tổ hoà giải phải báo cáo ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để xem xét và có biện pháp giải quyết.

Chương III
Hoạt động hoà giải

Điều 12. Tiến hành việc hoà giải

Việc hoà giải do các tổ viên Tổ hoà giải tiến hành hoặc tổ chức tiến hành trong các trường hợp sau đây :

1. Tổ viên Tổ hoà giải chủ động tiến hành hoà giải hoặc mời người ngoài Tổ hoà giải thực hiện việc hoà giải theo sáng kiến của mình trong trường hợp trực tiếp chứng kiến hoặc biết về việc tranh chấp;

2. Theo phân công của Tổ trưởng Tổ hoà giải;

3. Theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân;

4. Theo yêu cầu của một hoặc các bên tranh chấp.

Điều 13. Thời gian, địa điểm tiến hành việc hoà giải

1. Việc hoà giải được tiến hành vào thời gian mà các đương sự yêu cầu hoặc theo sáng kiến của tổ viên Tổ hoà giải.

Việc hoà giải có thể được tiến hành theo sáng kiến của tổ viên Tổ hoà giải ngay tại thời điểm xảy ra tranh chấp, nếu tổ viên Tổ hoà giải là người chứng kiến và xét thấy cần thiết phải hoà giải ngay.

2. Tổ viên Tổ hoà giải lựa chọn địa điểm thuận lợi cho việc hoà giải, phù hợp với nguyện vọng của các bên.

Điều 14. Người tiến hành hoà giải

1. Việc hoà giải có thể do một hoặc một số tổ viên Tổ hoà giải tiến hành.

2. Tổ viên Tổ hoà giải có thể mời người ngoài Tổ hoà giải thực hiện việc hoà giải hoặc cùng tham gia hoà giải. Người được mời có thể là người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội và có uy tín đối với các bên tranh chấp. Trong từng trường hợp cụ thể, người được mời có thể là người thân thích, bạn bè, người hàng xóm của một hoặc các bên, người cao tuổi, người biết rõ nguyên nhân tranh chấp.

3. Tổ viên Tổ hoà giải không tiến hành việc hoà giải nếu họ là người có liên quan đến vụ việc cần được hoà giải hoặc vì những lý do cá nhân khác mà không thể bảo đảm hoà giải được khách quan hoặc không đem lại kết quả.

Trong trường hợp không thể tiếp tục tiến hành hoà giải, tổ viên Tổ hoà giải có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Tổ trưởng và bàn giao công việc cho tổ viên khác được Tổ trưởng phân công.

Điều 15. Hoà giải tranh chấp mà các đương sự ở các cụm dân cư khác nhau

Trong trường hợp các bên tranh chấp ở các cụm dân cư có các tổ hoà giải khác nhau, thì các tổ hoà giải đó phối hợp để thực hiện việc hoà giải. Việc phối hợp hoà giải do :

1. Tổ trưởng hoặc người được Tổ trưởng phân công hoà giải thực hiện.

2. Các tổ viên là người thực hiện việc hoà giải có thể trực tiếp phối hợp với nhau, nhưng phải báo cáo ngay với Tổ trưởng về việc phối hợp thực hiện việc hoà giải.

Điều 16. Kết thúc việc hoà giải

1. Việc hoà giải được kết thúc khi các bên đã đạt được thoả thuận và tự nguyện thực hiện thoả thuận đó.

Trong trường hợp việc thực hiện thỏa thuận có khó khăn, thì tổ viên Tổ hoà giải động viên, thuyết phục các bên thực hiện thoả thuận và có thể đề nghị Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố hoặc kiến nghị với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tạo điều kiện để các bên tự nguyện thực hiện thoả thuận.

2. Trong trường hợp các bên không thể đạt được thoả thuận và việc tiếp tục hoà giải không thể đạt kết quả, thì tổ viên Tổ hoà giải hướng dẫn cho các bên làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Đối với tranh chấp phức tạp, mâu thuẫn giữa các bên gay gắt, có thể gây hậu quả ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong địa bàn dân cư, thì tổ viên Tổ hoà giải kịp thời báo cáo cho Tổ trưởng Tổ hoà giải để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp giải quyết.

Chương IV
Khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 17. Khen thưởng

1. Tổ hoà giải và tổ viên Tổ hoà giải có thành tích trong công tác hoà giải thì được khen thưởng.

Đối với việc khen thưởng ở xã, phường, thị trấn, Ban Tư pháp phối hợp với Ban công tác mặt trận, lập danh sách người được khen thưởng trên cơ sở bình xét trong các tổ hoà giải để đề nghị Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khen thưởng.

Phòng Tư pháp lập danh sách người được khen thưởng ở cấp huyện trình Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng.

Sở Tư pháp báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức việc khen thưởng ở cấp tỉnh; báo cáo Bộ Tư pháp về công tác thi đua, khen thưởng để tổ chức việc khen thưởng ở cấp Bộ.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, củng cố tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở cơ sở thì được khen thưởng.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Người nào có hành vi vi phạm Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở và Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về hoà giải ở cơ sở, thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V
Điều khoản thi hành

Điều 19. Việc công nhận các tổ hoà giải được thành lập trước ngày Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở có hiệu lực

Các tổ hoà giải được thành lập trước ngày Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở có hiệu lực đều được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Tổ hoà giải đó hoạt động củng cố, kiện toàn, công nhận và cho tiếp tục hoạt động.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

tm. chính phủ
thủ tướng

Nơi nhận :
- Thường trực Bộ chính trị,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương

và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : PC (5b), VT.

Phan Văn Khải - Đã ký